Quốc sư Ngô Chân Lưu (933 - 1011): Nhà ngoại giao tài năng, nhà thơ xuất sắc

ISSN: 2734-9195 09:05 29/01/2025

Trong hai câu kết của bài từ, Đại sư Khuông Việt (Ngô Chân Lưu) khéo léo thể hiện thành ý của mình, tiếp tục đề cao vai trò của Lý Giác, vì chính sứ giả là sợi dây nối nước Nam với triều đình nhà Tống.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy** - *(Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội)*

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2025 - Xuân Ất Tỵ

Ngô Chân Lưu (933 - 1011) là Quốc sư đời Đinh - Tiền Lê, người hương Cát Lợi, huyện Thường Lạc, nay thuộc tỉnh Thanh Hóa.

Lúc nhỏ, Ngô Chân Lưu học đạo Nho, lớn lên ra thành Đại La (Hà Nội ngày nay) học đạo Phật với Thiền sư Vân Phong ở chùa Khai Quốc, trở thành thế hệ thứ tư dòng Thiền Quan Bích. Năm 40 tuổi (973) ông nổi tiếng tinh thông Thiền học, được vua Đinh Tiên Hoàng (925 - 979) trọng vọng mời về Hoa Lư ban cho hiệu Khuông Việt Đại sư, phong chức Tăng thống, đứng đầu các tăng quan.

Nhà Tiền Lê lên ngôi (980), càng hết sức trọng đãi ông, cho tham dự những công việc hệ trọng của triều đình. Năm 986, Ngô Chân Lưu (Khuông Việt Đại sư) và sư Pháp Thuận (**Đỗ Pháp Thuận**) được cử ra đón tiếp sứ giả Tống là Lý Giác và hai người đã dùng tài thơ của mình để xướng họa với sứ Tống.



Toàn cảnh cố đô Hoa Lư (Ninh Bình). (Ảnh: Internet)

Biết Lý Giác là tay nổi tiếng văn học, vua Lê Đại Hành cử Pháp sư Đỗ Thuận cải trang làm người lái đò đón sứ Tống ở bến Sách Giang (Ninh Bình) trước khi sứ Tống đến Hoa Lư.

Khi đò sang sông, Lý Giác chợt thấy trên sông có hai con ngỗng trắng đang bơi trên mặt nước liền cao hứng đọc hai câu thơ:

Nga nga lưỡng nga nga

Ngưỡng diện hướng thiên nha

Nghĩa là:

Ngỗng ngỗng hai con ngỗng

Ngửa mặt nhìn chân trời

Đọc xong hai câu đó, Lý Giác dừng lại. "Người lái đò" Đỗ Thuận tay vẫn nhịp nhàng chèo thuyền đã đọc tiếp luôn:

Bạch mao phô lục thủy

Hồng chạo bãi thanh ba.

Nghĩa là:

Nước lục khoe lông trắng

Chèo hồng sóng xanh bơi.

Lý Giác giật mình, thấy bốn câu đó của hai người ghép lại thành một bài thơ hay:

Ngỗng ngỗng hai con ngỗng

Ngửa mặt nhìn chân trời

Nước lục khoe lông trắng

Chèo hồng sóng xanh bơi.

Lý Giác khâm phục người lái đò không chỉ biết làm thơ, họa thơ, ứng đối nhanh mà còn thấy mình ngâm hai câu thơ sẵn có trong một bài thơ của một nhà thơ nổi tiếng thời Đường là Lạc Tân Vương làm lúc lên 10 tuổi, chỉ thay đổi một vài chữ cho hợp với cảnh vật lúc này, vậy mà người lái đò kia ngâm tiếp luôn hai câu, lại cũng là hai câu cuối bài thơ của Lạc Tân Vương, và cũng thay đổi vài chữ cho thích hợp. Bài thơ của Lạc Tân Vương là:

Nga, nga, nga

Khúc hạng hướng thiên nha

Bạch mao phù lục thủy

Hồng chưởng bát thanh ba.

Nghĩa là:

Ngỗng, ngỗng, ngỗng

Nghếch cổ lên trời kêu

Lông trắng phô nước biếc

Chân hồng quẫy sóng xanh.

Nhưng cái thâm thúy của viên sứ thần nhà Tống lấy hình ảnh hai con ngỗng để chỉ hai người là Lý Giác và Đỗ Thuận tuy thuộc hai nước nhưng đều hướng về chân trời "Thiên triều" (Thiên nha). Để đối lại cái "Thiên nha" (Thiên triều) của Lý Giác, Đỗ Thuận đã đọc "Hồng chạo bãi thanh ba", nghĩa là mái chèo hồng đã dẹp bằng con sóng xâm lược. Lý Giác hiểu ý và khâm phục.



Đền vua Đinh tại cố đô Hoa Lư (Ninh Bình). (Ảnh: Internet)

Vì thế, tuy kiêu ngạo, Lý Giác không dám ngông nghênh khi vào triều yết kiến vua Lê Đại Hành.

Khi về tới công quán, Lý Giác làm một bài thơ gửi tặng Đỗ Thuận.

Phiên âm:

Hạnh ngộ minh thì tán thịnh du,

Nhất thân nhị độ sứ Giao Châu.

Đông đô lưỡng biệt tâm vưu luyến,

Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu.

Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch,

Xa trì thanh chướng phiếm trường lưu,

Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu,

Khê đàm ba tĩnh kiến thiềm thu.

Dịch nghĩa:

May gặp thời bình được giúp mưu,

Một mình hai lượt sứ Giao Châu.

Đông Đô mấy độ còn lưu luyến,

Nam Việt nghìn trùng vẫn ước cầu

Ngựa vượt khói mây xuyên đá chởm

Xe qua rừng biếc vượt dòng sâu.

Ngoài trời lại có trời soi nữa,

Sóng lặng khe đầm bóng nguyệt thâu.

Sư Đỗ Thuận đem bài thơ này dâng lên vua Lê Đại Hành. Vua cho gọi **Đại sư Khuông Việt** cho xem. Khuông Việt nói: "Thơ này có ý tôn trọng bệ hạ không khác gì vua Tống". Vua khen ý thơ, tặng cho rất hậu. Sở dĩ sư Khuông Việt nói như vậy vì trong bài thơ có câu: "Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu" (Ngoài trời lại có trời soi nữa).

Khi sứ thần nước Tống là Lý Giác trở về nước, vào triều từ biệt vua Lê Đại Hành, vua đã sai nhà sư Khuông Việt làm bài từ để tiễn chân. Đó là bài từ "Vương lang quy" và bài từ này đã trở thành một trường hợp độc đáo về thể loại trong lịch sử văn học cổ Việt Nam. Bài từ như sau:

"*Tường quang, phong hảo, cẩm phàm trương*

Dao vọng thần tiên phục đế hương

Vạn trùng sơn thủy thiệp thương lang

Cửu thiên quy lộ trường

Tình thảm thiết,

Đối ly trường

Phan luyến sứ tinh lang

Nguyện tương thâm ý vị Nam cương

Phân minh bảo ngã hoàng".

Dịch thơ:

"*Gió xuân đầm ấm cánh buồm giương,*

Trông vị thần tiên về đế hương,

Muôn dặm sóng xanh vượt trùng dương.

Đường về bao dặm trường

Tình thảm thiết

Chén đưa đường,

Nhờ vị sứ lang

Xin lưu ý việc biên cương,

Tâu rõ lên thánh hoàng".

Bốn câu mở đầu của bài từ phác họa cảnh sắc thiên nhiên, gợi tả không khí, hoàn cảnh cuộc chia ly. Đó là cuộc tiễn đưa của tác giả với sứ thần nhà Tống là Lý Giác vừa với tư cách tiễn biệt một nhà ngoại giao của thiên triều, vừa với tư cách chia tay một người bạn thông hiểu lẫn nhau. Không gian nơi đây được gợi tả mang đầy tính biểu tượng, lễ nghi trang trọng với nắng gió tốt lành, cánh buồm gấm, sóng xanh, non nước muôn trùng. Mấy câu tiếp theo tác giả sử dụng lối nói ngoa ngữ, khoa trương, bóng bảy để nói về tình cảm lưu luyến, nhớ thương "Tình thảm thiết, chén đưa đường", rồi đến câu "Phan luyến sứ tinh lang" thì một lần nữa tác giả đưa nhân vật Lý Giác tới đỉnh cao của sự hãnh diện, tự hào, coi Lý Giác như một sứ giả tài ba. Trong hai câu kết của bài từ, Đại sư Khuông Việt khéo léo thể hiện thành ý của mình, tiếp tục đề cao vai trò của Lý Giác, vì chính sứ giả là sợi dây nối nước Nam với triều đình nhà Tống. Điều đó vừa thỏa mãn tâm lý sứ giả thiên triều nhưng cũng là "sợi dây vô hình" đặt rõ trách nhiệm của ông ta. Bởi lẽ, nếu sứ giả muốn xứng đáng với lời tôn xưng cao quý kia thì khi về phải tâu trình các vấn đề biên cương theo đúng thỏa thuận hai bên đã cam kết. Còn nếu làm khác đi thì không còn xứng đáng với danh xưng kia nữa. Bên cạnh đó, trước vấn đề ngoại giao hệ trọng, liên quan đến danh dự, vận mệnh của đất nước, lập trường của nhà ngoại giao Khuông Việt vừa mềm dẻo vừa kiên quyết, rõ ràng. Điều đặc biệt là những vấn đề to lớn như vậy lại được thể hiện với một hình thức trang nhã, lịch thiệp, ân tình của một nghệ thuật viết về sự biệt ly thể hiện qua "Vương lang quy" của Đại sư Khuông Việt.

"Vương lang quy" là một áng văn nặng tính chất ngoại giao, lời lẽ nhún nhường, thể hiện chủ trương bề ngoài mềm dẻo, bên trong tự cường của vua Lê Đại Hành (941 - 1005), một vị vua có tinh thần dân tộc. Về nghệ thuật, đây là một bài từ điêu luyện, âm điệu êm ái, lời lẽ "nõn nà tưởng có thể vốc được" (Lê Quý Đôn), nhưng đồng thời, một đôi cụm từ cũng có những hàm nghĩa sâu xa, lấp lửng. khiến người đọc ngày nay vẫn có nhiều ý kiến khác nhau trong khi tiếp nhận. Ra đời trong điều kiện văn đàn Việt Nam còn xa lạ với thể từ, bài Vương lang quy chứng tỏ tài sử dụng ngôn ngữ nghệ thuật chữ Hán cũng như khả năng

theo sát bước phát triển cao nhất của nền văn hóa Trung Hoa đương đại của tầng lớp trí thức dân tộc buổi đầu thời kỳ tự chủ. Có lẽ đây là bài từ sớm nhất còn lại trong lịch sử văn học Việt Nam. Đó cũng là một tác phẩm mở đầu cho thơ văn ngoại giao Việt Nam, được người đời sau đánh giá cao. Vì vậy, bài từ Vương lang quy còn là tác phẩm có giá trị đặc biệt trong lịch sử văn học dân tộc.

Đại sư Khuông Việt còn có hai câu thơ Thủy chung tặng học trò, giải thích cho học trò là Đa Bảo về cách hiểu phạm trù "thủy chung" (mở đầu và kết thúc) theo tinh thần Phật học.

Quốc sư Ngô Chân Lưu (Khuông Việt) mất ngày 15 tháng 2 năm Tân Hợi (1011) thọ 73 tuổi.

Tác giả: **Đặng Việt Thủy** - *(Hoàng Hoa Thám, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội)*

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 01/2025 - Xuân Ất Tỵ